



**K2ĐT**



# CHUẨN NĂNG LỰC CƠ BẢN HỘ SINH Ở VIỆT NAM

Hà Nội, 11-2021

TS. Phí Thị Nguyệt Thanh

Nguyên CVC, Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế

PGĐ, Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục Thăng Long

# Nội dung

1. Nghề Hộ sinh
2. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh
3. Hệ thống đào tạo dài hạn
4. Hệ thống đào tạo liên tục

# 1. Nghề Hộ sinh

## ***1.1. Chức danh, Mã số Ngạch viên chức Hộ sinh (Thông tư 26/2015/TT-BYT-BNV ngày 07/10/2015)***

- |                    |                     |
|--------------------|---------------------|
| □ Hộ sinh hạng II  | Mã ngạch V.08.06.14 |
| □ Hộ sinh hạng III | Mã ngạch V.08.06.15 |
| □ Hộ sinh hạng IV  | Mã ngạch V.08.06.16 |

## 1.2.Nhiệm vụ

1. Chăm sóc bà mẹ, trẻ SS, người bệnh và người sử dụng dịch vụ
2. Chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng
3. Sơ cứu, cấp cứu
4. Truyền thông, giáo dục, tư vấn về CSSK sinh sản
5. Phối hợp hỗ trợ trong điều trị
6. Bảo vệ và thực hiện quyền của người bệnh
7. Đào tạo, nghiên cứu KH và phát triển nghề nghiệp

# Tiêu chuẩn chức danh nghề Hộ sinh



## **2. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt nam**

(QĐ 342/QĐ-BYT ngày 24/01/2014)

**2.1. Sự cần thiết**

**2.2. Cơ sở pháp lý**

**2.3. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh Việt Nam**

## 2.1. Sự cần thiết

### 2.1.1. Đối với cơ sở đào tạo hộ sinh:

- BHYT (QL): xây dựng chuẩn đào tạo hộ sinh
- CSĐT: XD chuẩn đầu ra, XD CTĐT, Nội dung đào tạo và PP dạy học

**2.1.2. Đối với cơ quan quản lý & CS sử dụng nhân lực HS:**  
xây dựng KH đào tạo liên tục và tự đào tạo để phát triển nghề nghiệp nhằm nâng cao CLCS SK phụ nữ và trẻ em

**2.1.3. Đối với hộ sinh:** là căn cứ để Hộ sinh hoàn thiện và phát triển năng lực của mình

## 2.2. Cơ sở pháp lý

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/QH12 ngày 23/11/2009
- Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức
- Chuẩn năng lực hộ sinh quốc tế năm 2010 được bổ sung 2013 do ICM khuyến cáo
- Hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của Bộ Y tế năm 2009



## 2.3. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh VN (1)

*Chuẩn năng lực cơ bản của HS VN gồm 7 chuẩn với 102 tiêu chí về kiến thức và 119 tiêu chí về kỹ năng.*

Các tiêu chí được sắp xếp 2 mức độ:

- 1) CƠ BẢN: tương ứng với trình độ đào tạo cao đẳng 3 năm
- 2) MỞ RỘNG: đào tạo trình độ cao hơn, đào tạo liên tục.

## 2.3. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh VN (2)

- **Năng lực 1.** Có KT, KN trong sản khoa, sơ sinh, xã hội, YTCC và đạo đức nghề nghiệp
- **Năng lực 2.** Cung cấp dịch vụ CSSK bà mẹ trước mang thai
- **Năng lực 3.** Cung cấp dịch vụ CSSK bà mẹ trong thời kỳ thai nghén
- **Năng lực 4.** Cung cấp dịch vụ CSSK trong chuyển dạ
- **Năng lực 5.** Cung cấp dịch vụ CSSK bà mẹ sau đẻ
- **Năng lực 6.** Cung cấp dịch vụ chăm sóc toàn diện cho trẻ thời kỳ sinh
- **Năng lực 7.** Chăm sóc toàn diện cho phụ nữ theo hướng dẫn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

## 2.3. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh VN (3)

***Chuẩn Năng lực thứ nhất:*** Có KT, KN trong sản khoa, sơ sinh, xã hội, YTCC và đạo đức nghề nghiệp. Đó là nền tảng để chăm sóc thích hợp cho Bà mẹ, Trẻ sơ sinh và gia đình phù hợp với yếu tố văn hóa của cộng đồng.

Gồm có: - 16 Tiêu chí về Lĩnh vực Kiến thức (1A1-1A16)

- 18 Tiêu chí về Lĩnh vực Kỹ năng (1B1-1B15), trong đó có 3 tiêu chí **mở rộng** (1B16-1B18)

- ✓ *16. Hỗ trợ SV và đồng nghiệp phát triển chuyên môn nghề nghiệp; góp phần xây dựng và thực hiện các CTĐT; tham gia giảng dạy; hỗ trợ đồng nghiệp trong thực hành lâm sàng.*
- ✓ *17. Đảm đương trách nhiệm và phát huy vai trò quản lý trong thực hành nghề nghiệp theo quy định phân cấp cơ sở y tế và phân tuyến kỹ thuật*
- ✓ *18. Góp phần xây dựng chính sách liên quan đến hộ sinh*

## 2.3. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh VN (4)

***Chuẩn Năng lực thứ hai.*** Cung cấp dịch vụ CSSK bà mẹ trước mang thai và kế hoạch hóa gia đình.

***Gồm có:*** - 14 Tiêu chí về Lĩnh vực Kiến thức (2A1-2A14), trong đó có 2 Tiêu chí mở rộng (2A13-2A14):

*+13. Chăm sóc sức khỏe nam giới*

*+14. Nguyên lý sàng lọc ung thư cổ tử cung*

- 14 Tiêu chí về Lĩnh vực Kỹ năng (2B1-2B14), trong đó có 3 Tiêu chí mở rộng (2B12-2B14)

*+12. Sử dụng kính hiển vi thực hiện xét nghiệm sàng lọc đơn giản*

*+13. Lau acid acetic và quan sát nhận định tổn thương cổ tử cung để điều trị hoặc chuyển tuyến*

*+14. Phối hợp tiến hành soi cổ tử cung để sàng lọc ung thư*

## 2.3. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh VN (5)

***Chuẩn Năng lực thứ ba:*** Cung cấp dịch vụ CSSK bà mẹ trong thời kỳ thai nghén.

***Gồm có:*** - 23 Tiêu chí về Lĩnh vực Kiến thức (3A1-3A23), trong đó có 2 Tiêu chí mở rộng (3A22-3A23)

+22. *Chỉ định/khuyến cáo và nhận định được kết quả một số xét nghiệm sàng lọc cơ bản*

+23. *Các biện pháp phòng chống sốt rét & QL thai nghén đối với thai phụ trong vùng sốt rét)*

- 14 Tiêu chí về Lĩnh vực Kỹ năng (3B1-3B18), trong đó có 2 Tiêu chí mở rộng (3B17-3B18:

+ 17. *Đánh giá sự phát triển của thai nhi, vị trí rau bám, lượng nước ối bằng siêu âm*

+ 18. *Phối hợp với các chuyên khoa xử trí những bất thường trong thời kỳ mang thai của bà mẹ)*

## 2.3. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh VN (6)

***Chuẩn Năng lực thứ tư.*** Cung cấp dịch vụ CSSK chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ và sinh đẻ.

***Gồm có:*** - 14 Tiêu chí về Lĩnh vực Kiến thức (4A1-4A14)

- 30 Tiêu chí về Lĩnh vực Kỹ năng (4B1-4B30)

trong đó có 4 Tiêu chí mở rộng (4B27-4B30:

+ 27. *Thực hiện biện pháp giảm đau trong chuyển dạ và đẻ*

+ 28. *Đỡ đẻ ngôi mặt hoặc ngôi mông*

+29. *Khâu vết rách âm đạo, tầng sinh môn độ 3, độ 4. Phối hợp xử trí vết rách âm đạo, tầng sinh môn phức tạp.*

+30. *Xác định và xử trí vết rách cổ tử cung.*

- Lĩnh vực Thái độ được lồng ghép trong KT&KN



## 2.3. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh VN (7)

**Chuẩn Năng lực thứ năm:** Cung cấp dịch vụ CSSK bà mẹ thời kỳ sau đẻ.

- Gồm có:**
- 13 Tiêu chí về Lĩnh vực Kiến thức (5A1-5A13),  
trong đó có 1 Tiêu chí mở rộng (5A13-*Quy tắc sử dụng bơm hút chân không để hút buồng tử cung lấy rau sót*)
  - 12 Tiêu chí về Lĩnh vực Kỹ năng (5B1-5B12)  
trong đó có 01 Tiêu chí mở rộng (5B12- *Hút buồng tử cung bằng bơm hút chân không để điều trị chảy máu muộn thời kỳ sau đẻ*)
  - Lĩnh vực Thái độ được lồng ghép trong KT&KN

## 2.3. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh VN (8)

***Chuẩn Năng lực thứ sáu.*** Cung cấp dịch vụ chăm sóc toàn diện cho trẻ thời kỳ sơ sinh.

- Gồm có:***
- 13 Tiêu chí về Lĩnh vực Kiến thức (6A1-6A13),
  - 17 Tiêu chí về Lĩnh vực Kỹ năng (6B1-6B17)  
trong đó có 01 Tiêu chí mở rộng (6B17 - *Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc phù hợp và hiệu quả cho trẻ sơ sinh đặc biệt*)
  - Lĩnh vực Thái độ được lồng ghép trong KT&KN



## 2.3. Chuẩn năng lực cơ bản của Hộ sinh VN (9)

***Chuẩn Năng lực thứ bảy.*** Chăm sóc toàn diện, phù hợp nhu cầu cho phụ nữ phá thai theo hướng dẫn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

***Gồm có:***

- 09 Tiêu chí về Lĩnh vực Kiến thức (7A1-7A9),
- 10 Tiêu chí về Lĩnh vực Kỹ năng (7B1-7B10)
- Lĩnh vực Thái độ được lồng ghép trong KT&KN

# **3. Đào tạo dài hạn**

**(Giáo dục chuyên nghiệp & Giáo dục nghề nghiệp)**

**3.1. Quan điểm về đào tạo**

**3.2. Hệ thống tổ chức, loại hình đào tạo, tuyển sinh**

**3.3. Chương trình và giáo trình**

**3.4. Đảm bảo chất lượng đào tạo**

### 3.1. Quan điểm về đào tạo

- Đào tạo dựa trên nhu cầu thực tiễn xã hội;
- Đào tạo cung cấp kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho Hộ sinh để làm tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân;
- Đào tạo theo chuẩn năng lực của hộ sinh; phân biệt năng lực cử nhân hộ sinh với các trình độ đào tạo cao đẳng và trung cấp;
- Xây dựng chương trình và nội dung đào tạo hộ sinh theo năng lực thực hành, thúc đẩy quá trình hội nhập và công nhận trình độ đào tạo giữa các nước trong khu vực và thế giới.

## 3.2. HỆ THỐNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC Y TẾ

*Sau đại học*

*Hệ thực hành*

CHUYÊN KHOA 2

*Hệ hàn lâm*

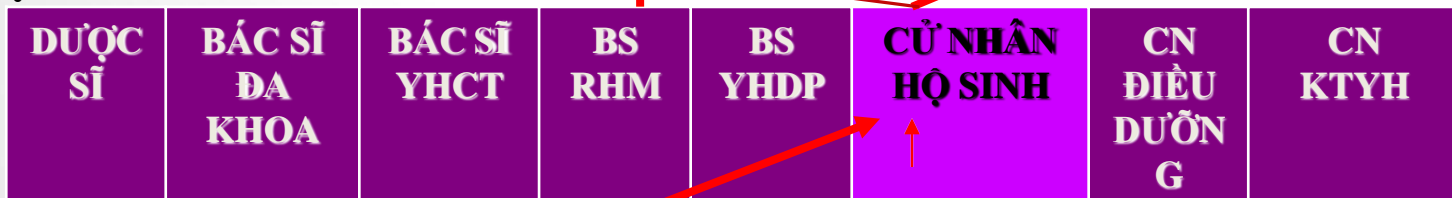
TIỀN SĨ

CHUYÊN KHOA 1

BÁC SĨ NỘI TRÚ

THẠC SĨ

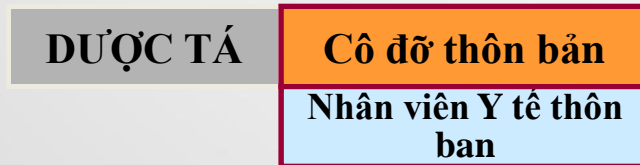
*Đại học*



*Cao đẳng, Trung cấp*



*Sơ cấp*



# Hệ đại học hộ sinh 2020-2021 (SL 4 trường)

	Năm 2020			Năm 2021		
	Tổng	Công lập	Ngoài CL	Tổng	Công lập	Ngoài CL
<b>1.Chính quy</b>						
Quy mô	211	211	0			
SVTN	17	17	0	46	46	0
Chỉ tiêu	160	160	0	330	330	0
Nhập học	105	105	0			
<b>2. Liên thông</b>						
Quy mô	32	32	0	-	-	-
SVTN	0	0	0	0		0
Chỉ tiêu	34	26	0	48	48	0
Nhập học	32	25	0	-	-	-
<b>3. VHVL</b>						
Quy mô	32	32	0	-		
SVTN	0	0	0	0	0	0
Chỉ tiêu	34	34	0	52	52	
Nhập học	32	32	0	-	-	-

# Hệ Cao đẳng hộ sinh 2020-2021 (SL 19 trường/96)

	Năm 2020			Năm 2021		
	Tổng	Công lập	Ngoài CL	Tổng	Công lập	Ngoài CL
<b>1.Chính quy</b>						
Quy mô	1.135	995	140			
SVTN	292	262	30	518	488	30
Chỉ tiêu	620	585	35	1145	1110	35
Nhập học	276	252	24	-	-	-
<b>2. Liên thông</b>						
Quy mô	-	-	0	-	-	-
SVTN	228	228	0	155	155	0
Chỉ tiêu	309	309	0	319	319	0
Nhập học	143	143	0	-	-	-
<b>3. VHVL</b>						
Quy mô	-	-	0	-		
SVTN	870	870	0	0	232	0
Chỉ tiêu	510	510	0	52	200	
Nhập học	186	186	0	-	-	-
<b>4. Bằng 2</b>						
Chỉ tiêu						50

## 3.3. Chương trình và giáo trình đào tạo

### 3.3.1. Chương trình

*Đào tạo đại học:* do Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định – Luật Giáo dục và Luật giáo dục đại học

*Đào tạo cao đẳng:* Do Bộ lao động thương binh xã hội quy định – Luật dạy nghề

### 3.3.2. Giáo trình

Từ năm 2004 – 2013, Bộ Y tế có dự án “Đổi mới sách giáo khoa và tài liệu dạy học ngành y tế” đã xuất bản được gần 300 đầu sách giáo khoa, tài liệu dạy học, tài liệu chuyên khảo cho các bậc học.

Bộ Y tế đã có công văn số 7227/BYT-K2ĐT về hướng dẫn thẩm định SGK&Tài liệu dạy học.

## 3.4. Chất lượng đào tạo Hộ sinh

### Trình độ đại học – Bộ Giáo dục và đào tạo

1. Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT: ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường ĐH, CĐ & TCCN;
2. Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, 14/3/2016: Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học.
3. Thông tư 39/2020/TT-BGDĐT ngày 09/10/2020 quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học.
4. CV 1074/QLCL-KĐCLGD: hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ đại học.

Hiện nay trong 4 trường đào tạo hộ sinh chưa kiểm định chất lượng chương trình.

### Trình độ cao đẳng, trung cấp – Bộ Lao động Thương binh – xã hội

1. Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 qui định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
2. Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH qui định hệ thống ĐBCL của cơ sở GDNN.
3. Công văn 1323/TCGDNN-KĐCL. Thực hiện qui định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN năm 2021.



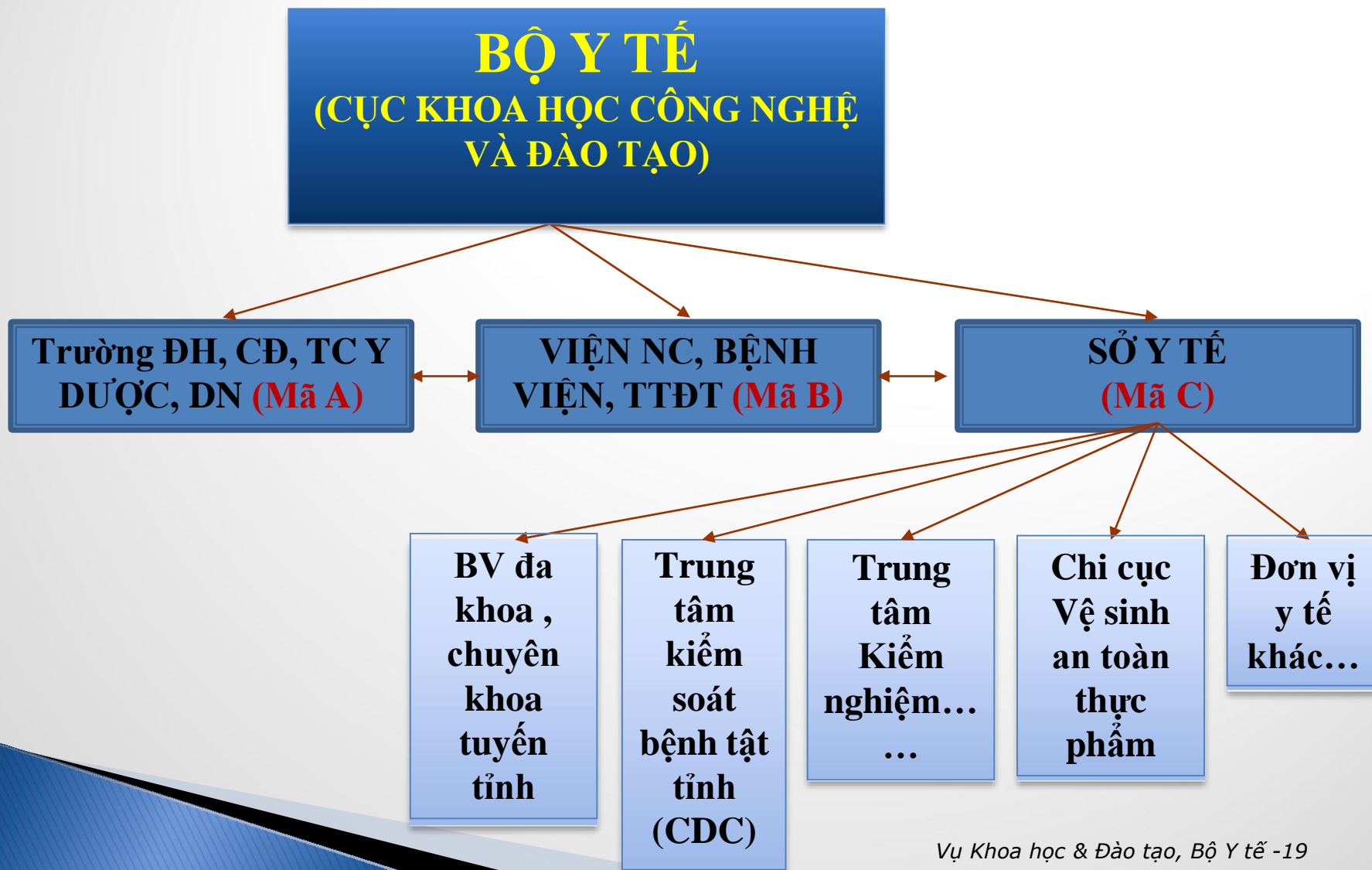
## **4. Đào tạo liên tục**

**4.1. Cơ sở đào tạo liên tục**

**4.2. Chương trình và tài liệu đào tạo liên tục**

**4.3. Đảm bảo chất lượng đào tạo liên tục**

## 4.1. Cơ sở đào tạo liên tục



## *Công nhận cơ sở đào tạo liên tục*

- **Các trường Y-Dược:** 107 trường – Mã A
- **Cơ sở trực thuộc:** 79 Bệnh viện và Viện nghiên cứu trung ương, Hội nghề nghiệp – Mã B
- **Sở Y tế:** 63 đơn vị - Mã C

## 4.2. Chương trình và tài liệu đào tạo

- Bộ tế có Thông tư 22 về hướng dẫn việc đào tạo liên tục, Thông tư 26 về sửa đổi bổ sung một số điều của TT22
- Nguyên tắc:
  - Cơ sở đào tạo xây dựng chương trình tài liệu
  - Hội đồng chuyên môn thẩm định
  - Cơ quan quản lý phê duyệt, ban hành

*Bộ Y tế đã thẩm định các chương trình và tài liệu được xây dựng trên cơ sở chuẩn quốc gia về sức khỏe sinh sản: Làm mẹ an toàn, chăm sóc trẻ bằng PP Càng Gu Ru; Chăm sóc sơ sinh nhẹ cân, non tháng và bệnh lý Xây dựng đơn nguyên sơ sinh tại BV Huyện; Hồi sức cấp cứu trong sản khoa....*

## 4.3. Đảm bảo chất lượng trong đào tạo liên tục

Bộ Y tế có Quyết định số 493/QĐ-BYT ngày 17/2/2012 về qui định tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng các cơ sở đào tạo liên tục



# Cám ơn các quý vị đại biểu!

